TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/DS-ST
Ngày 10-6-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh Á, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều M, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 4 năm 2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

01. Bà Trần Thị Kiều M, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

02. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

03. Ngân hàng TMCP Đ1; địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đ1: Ông Châu Minh H; địa chỉ: C T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1112/QĐ-BIDV.PTA ngày 09/4/2025 của ông Lê Bá D – Giám đốc chi nhánh P; văn bản ủy quyền số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024 của ông Lê Ngọc L – Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Á trình bày: Cha ông tên Nguyễn Minh Đ, mẹ ông tên Nguyễn Thị H1 (chết năm 2024). Cha mẹ ông có 02 người con gồm bà Nguyễn Thị Minh T và ông. Ngoài ra cha mẹ không có chồng, vợ, con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà ngoại đều chết trước mẹ.

Khi mẹ còn sống, cha mẹ ông tạo lập được thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 882651, số vào sổ cấp GCN: CH 12784 ngày 12/3/2012 cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị H1.

Ngày 20/4/2022, ông Đ và bà H1 có đồng ý cho ông Á thế chấp quyền sử dụng đất trên đảm bảo cho khoản vay của ông Á, bà M tại ngân hàng TMCP Đ1. Năm 2024, khi bà H1 chết, bà T không hợp tác để thực hiện thủ tục thế chấp.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ là ½ thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ông yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán lại giá trị cho bà T.

Tại phiên tòa, ông đồng ý giao kỷ phần thừa kế mà ông được nhận cho cha ông là ông Nguyễn Minh Đ và ông không yêu cầu cha thanh toán giá trị. Ông tự nguyện chịu khoản chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà ông Nguyễn Minh Đ phải chịu.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày: Bà thống nhất về quan hệ gia đình và nguồn gốc di sản mẹ để lại như trình bày của nguyên đơn. Mẹ bà chết không để lại di chúc. Việc cha mẹ bà thế chấp nhà đất trên cho ngân hàng để vợ chồng ông Á, bà M vay tiền bà hoàn toàn không biết. Khi mẹ bà còn sống, mẹ có nguyện vọng để lại nhà đất này làm nơi thờ cúng, bà có chứng cứ chứng minh về vấn đề này. Nay ông Á yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ bà để lại thì bà không đồng ý mà yêu cầu để lại làm nơi thờ cúng cha mẹ. Nếu chia thì bà thống nhất với giá trị định giá nhưng yêu cầu nhận bằng hiện vật, không đồng ý nhận bằng giá trị.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ trình bày: Vợ ông là bà Nguyễn Thị H1, chết năm 2024. Vợ chồng ông có 02 người con là Nguyễn Thị Minh T và Nguyễn Minh Á. Khi vợ còn sống, vợ chồng ông tạo lập nhà đất thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, tọa lạc thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho vợ chồng ông. Vợ chồng ông có cho vợ chồng con trai mượn thửa đất để vay vốn ngân hàng. Nay ông Á yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ ông thì toàn bộ phần quyền sử dụng đất cũng như tài sản gắn liền với đất của ông trong thửa đất, ông để lại cho con trai Nguyễn Minh Á.

Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu nhận toàn bộ phần quyền sử dụng đất cũng như tài sản gắn liền với đất và ông thanh toán lại giá trị kỷ phần di sản cho bà T. Ông là người cao tuổi nên đề nghị được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kiều M trình bày: Bà không phải hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H1 nên bà không có ý kiến gì về yêu cầu chia thừa kế; đối với hợp đồng tín dụng, do ngân hàng không yêu cầu nên bà không có ý kiến gì.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ1 trình bày: Năm 2022 vợ chồng ông Nguyễn Minh Á, bà Trần Thị Kiều M có vay của Ngân hàng TMCP Đ1. Đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, tọa lạc thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 882651, số vào sổ cấp GCN: CH 12784 ngày 12/3/2012 cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị H1. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/1529489/HĐBĐ ngày 20/4/2022 giữa ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị H1 với Ngân hàng TMCP Đ1, đã được đăng ký tại văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T ngày 20/4/2022. Ông Á, bà M vẫn trả lãi đúng hạn nên ngân hàng không yêu cầu trả nợ chỉ yêu cầu duy trì tài sản thế chấp để bảo vệ quyền lợi của ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Á, chia giao toàn bộ phần quyền sử dụng đất cũng như tài sản gắn liền với đất cho ông Đ và ông Đ thanh toán lại giá trị kỷ phần di sản của bà H1 cho bà T; tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay giữa ông Á, bà M với ngân hàng TMCP Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Minh Á khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị H1 là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ngân hàng TMCP Đ1 là ông Châu Minh H vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo kết quả xác minh thu thập chứng cứ ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định thì nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định do ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị H1 đăng ký kê khai sử dụng. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 882651, ngày 12/3/2012 cho ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị H1. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ phù hợp với lời khai của các đương sự rằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà H1. Bà Nguyễn Thị H1 chết ngày 22/12/2024. Thửa đất số 25, tờ bản đồ 48 và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân chưa phân chia nên ông Đ được sở hữu ½ và ½ là di sản thừa kế của bà H1 theo quy định tại Điều 213, 219, 612 của Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 33, khoản 2 Điều 59, Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Bà H1 chết không để lại di chúc. Các đương sự thống nhất bà H1 có chồng là ông Nguyễn Minh Đ và vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T và Nguyễn Minh Á. Ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự, vì cha mẹ của bà H1 đều đã chết trước bà nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H1 bao gồm chồng và 02 con. Ngoài ra không có người thừa kế nào khác. Do đó áp dụng Điều 620 của Bộ luật dân sự, kỷ phần thừa kế của bà H1 được chia cho ông Đ, bà T, ông Á.

[5] Tại phiên tòa, ông Á thay đổi yêu cầu từ nhận hiện vật và thanh toán giá trị cho bà T thành giao kỷ phần thừa kế mà ông được nhận cho ông Đ. Ông Đ cũng thay đổi yêu cầu, không để lại toàn bộ phần quyền sử dụng đất cũng như tài sản gắn liền với đất của ông trong thửa đất cho con trai Nguyễn Minh Á mà ông nhận nhà đất và thanh toán giá trị cho bà T. Xét việc thay đổi yêu cầu của đương sự không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Bà T không đồng ý chia di sản để làm nơi thờ cúng, nếu chia thì bà yêu cầu nhận bằng hiện vật. Xét thấy quyền sử dụng thửa đất 25, tờ bản đồ 48 đã được ông Đ, bà H1 ký thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Á, bà M tại Ngân hàng TMCP Đ1. Căn cứ các Điều 299, 307, 317, 318, 319, 320, 322 Bộ luật dân sự, việc bà H1, ông Đ thế chấp quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng là người thứ 03 ngay tình trong tranh chấp về thừa kế giữa những người thừa kế của bà H1. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ 03 là Ngân hàng thì cần chia giao cho ông Đ nhận hiện vật để ông Đ thực nghĩa vụ bảo đảm cho khoản nợ của ông Á, bà M với ngân hàng khi có yêu cầu và thanh toán lại giá trị di sản cho bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 133 Bộ luật dân sự.

[6] Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 13/5/2025 của Hội đồng định giá, giá đất ở theo giá thị trường là 3.000.000 đồng/m^2, giá đất vườn theo giá thị trường như giá nhà nước là 121.500 đồng/m^2. Thửa đất số 25, tờ bản đồ 48 có diện tích 1102,4m^2 có tổng giá trị: 300m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 + 802,4m^2 x 121.500 đồng/m^2 = 997.491.600 đồng. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà 01 tầng, tường xây gạch sơn nước, bả matit, nền lát gạch ceramic, trần tole, mái ngói và nhà bếp, nhà kho, chuồng heo, chuồng gà, giếng đóng, tường rào cổng ngõ có tổng giá trị: 287.552.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.285.043.600 đồng. ½ thuộc sở hữu của ông Đ, ½ là di sản có giá trị 1.285.043.600 đồng/2 = 642.521.800 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm 03 người nên di sản được chia làm 03 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 642.521.800 đồng/3 = 214.173.933.3 (làm tròn 214.174.000 đồng).

[7] Căn cứ Điều 219, 650, 660 Bộ luật dân sự, chia giao cho ông Nguyễn Minh Đ toàn quyền sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 48 tọa lạc thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và các tài sản gắn liền với đất. Buộc ông Đ thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Minh T với số tiền 214.174.000 đồng.

[8] Về hợp đồng thế chấp: Quyền sử dụng thửa đất 25, tờ bản đồ 48 đã được ông Đ, bà H1 ký thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Á, bà M tại Ngân hàng TMCP Đ1 theo hợp đồng tín dụng số 01.02/2024/1529489/HĐTD ngày 30/7/2024. Hiện nay vợ chồng ông Á, bà M chưa trả nợ nhưng Ngân hàng không đòi nợ nên Hội đồng xét xử không xét. Tuy nhiên, vì quyền sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ 48 đã được chia giao cho ông Đ nên cần điều chỉnh nghĩa vụ thế chấp. Áp dụng khoản 2 Điều 317, khoản 8 Điều 320 Bộ luật dân sự, buộc ông Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thế chấp cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 01.02/2024/1529489/HĐTD ngày 30/7/2024.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu chi phí tương ứng với tỉ lệ giá trị kỷ phần mà mình được nhận. Ông Á tự nguyện chịu số tiền 10.000.000 đồng và đã nộp xong. Bà T chịu 1/6 tương ứng với số tiền 2.000.000 đồng. Ông Á đã nộp tạm ứng trước nên bà T phải thanh toán lại cho ông Á.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần mà ông được nhận nhưng được miễn án phí vì là người cao tuổi; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần mà bà được nhận tương ứng 214.174.000 đồng x 5% = 10.708.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 133, Điều 213, 219, 299, 307, 317, 318,

319, 320, 322, 612, Điều 620, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 33, khoản 2 Điều 59, Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Chia giao cho ông Nguyễn Minh Đ được quyền sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, diện tích 1.102,4m^2 tọa lạc thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cùng các tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà 01 tầng, nhà bếp, nhà kho, chuồng heo, chuồng gà, giếng đóng, tường rào cổng ngõ, có tứ cận:

Phía bắc giáp thửa 155.

Phía nam giáp đường bê tông.

Phía tây giáp thửa số 16.

Phía đông giáp các thửa 156, 162, 26.

Hiện trạng đất tương ứng sơ đồ bản vẽ ngày 09 tháng 4 năm 2025 kèm theo.

2. Buộc ông Nguyễn Minh Đ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Minh T 214.174.000 (hai trăm mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng giá trị kỷ phần bà T được nhận.

3. Buộc ông Nguyễn Minh Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thế chấp thửa đất số 25, tờ bản đồ 48, diện tích 1102,4m^2 tọa lạc thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cùng các tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà 01 tầng, nhà bếp, nhà kho, chuồng heo, chuồng gà, giếng đóng, tường rào cổng ngõ để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01.02/2024/1529489/HĐTD ngày 30/7/2024 giữa bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Minh Á, bà Trần Thị Kiều M và bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Minh Á tự nguyện chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ông Á đã nộp xong.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng. Bà T phải thanh toán lại cho ông Á.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 10.708.000 (mười triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho ông Nguyễn Minh Á 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền

tạm ứng án phí ông Á đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003110 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên